

CHÍNH PHỦ
Số: 08/2000/NĐ-CP

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
Hà Nội, ngày 10 tháng 3 năm 2000

NGHỊ ĐỊNH
Về đăng ký giao dịch bảo đảm

CHÍNH PHỦ

Căn cứ Luật Tổ chức Chính phủ ngày 30 tháng 9 năm 1992;
Căn cứ Bộ luật Dân sự ngày 28 tháng 10 năm 1995;
Theo đề nghị của Bộ trưởng Bộ Tư pháp,

NGHỊ ĐỊNH:

Chương I

NHỮNG QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi áp dụng

Nghị định này quy định về việc đăng ký cầm cố, thế chấp, bảo lãnh bằng tài sản (sau đây gọi chung là đăng ký giao dịch bảo đảm); về tổ chức, nhiệm vụ, quyền hạn của cơ quan đăng ký giao dịch bảo đảm và trình tự, thủ tục đăng ký, trừ trường hợp luật, pháp lệnh hoặc nghị định có quy định khác.

Điều 2. Đối tượng đăng ký

1. Những trường hợp sau đây phải được đăng ký tại cơ quan đăng ký giao dịch bảo đảm:

- Việc cầm cố, thế chấp tài sản mà pháp luật quy định tài sản đó phải đăng ký quyền sở hữu;
- Việc cầm cố, thế chấp tài sản không thuộc quy định tại điểm a, khoản 1 Điều này nhưng các bên thoả thuận bên cầm cố, bên thế chấp hoặc người thứ ba giữ tài sản;

c) Việc cầm cố, thế chấp một tài sản để bảo đảm thực hiện nhiều nghĩa vụ;

d) Văn bản thông báo về việc xử lý tài sản bảo đảm.

2. Khi có yêu cầu, thì việc bảo lãnh bằng tài sản cũng được đăng ký.

3. Các trường hợp khác theo quy định của pháp luật.

Điều 3. Nguyên tắc đăng ký giao dịch bảo đảm

1. Các giao dịch bảo đảm được đăng ký trên cơ sở nội dung kê khai trong đơn của người yêu cầu đăng ký.

Các nội dung kê khai trong đơn yêu cầu đăng ký phải chính xác, đầy đủ, trung thực.

Người yêu cầu đăng ký phải chịu trách nhiệm về nội dung đăng ký.

Trong trường hợp cần thiết, cơ quan đăng ký có quyền yêu cầu người yêu cầu đăng ký cung cấp giấy tờ liên quan đến việc đăng ký.

2. Cơ quan đăng ký phải đăng ký kịp thời, chính xác theo đúng nội dung đơn mà người yêu cầu đăng ký đã kê khai và tạo điều kiện cho việc đăng ký, tìm hiểu thông tin.

3. Hệ thống dữ liệu quốc gia các giao dịch bảo đảm và sổ đăng ký giao dịch bảo đảm được mở công khai để mọi người có thể tra cứu, tìm hiểu thông tin khi có yêu cầu.

Điều 4. Lệ phí

1. Người yêu cầu đăng ký, người yêu cầu đăng ký thay đổi, người yêu cầu đăng ký gia hạn, người yêu cầu cung cấp thông tin về giao dịch bảo đảm phải nộp lệ phí khi nộp đơn yêu cầu; trường hợp gửi đơn yêu cầu qua đường bưu điện hoặc qua các phương tiện thông tin liên lạc khác, thì phải nộp lệ phí vào tài khoản của cơ quan đăng ký giao dịch bảo đảm.

2. Mức lệ phí, việc quản lý và sử dụng lệ phí đăng ký và cung cấp thông tin về giao dịch bảo đảm do Bộ Tài chính phối hợp với Bộ Tư pháp quy định.

Chương II

QUẢN LÝ NHÀ NƯỚC VỀ ĐĂNG KÝ GIAO DỊCH BẢO ĐẢM,

CƠ QUAN ĐĂNG KÝ GIAO DỊCH BẢO ĐẢM

Điều 5. Nhiệm vụ, quyền hạn của Bộ Tư pháp trong việc quản lý nhà nước về đăng ký giao dịch bảo đảm

Bộ Tư pháp là cơ quan giúp Chính phủ thực hiện quản lý thống nhất về đăng ký giao dịch bảo đảm, có nhiệm vụ, quyền hạn sau đây :

1. Soạn thảo, trình cơ quan có thẩm quyền ban hành hoặc ban hành theo thẩm quyền các văn bản quy phạm pháp luật về đăng ký giao dịch bảo đảm;
2. Hướng dẫn, kiểm tra, chỉ đạo, tổ chức bồi dưỡng nghiệp vụ, chuyên môn cho cán bộ làm công tác đăng ký giao dịch bảo đảm;
3. Quản lý cơ quan đăng ký quốc gia giao dịch bảo đảm;
4. Ban hành, quản lý và hướng dẫn theo thẩm quyền việc sử dụng các mẫu đơn, giấy tờ, sổ đăng ký, tổ chức quản lý "Hệ thống dữ liệu quốc gia các giao dịch bảo đảm";
5. Thống kê đăng ký giao dịch bảo đảm, tổng hợp và báo cáo Chính phủ về công tác đăng ký giao dịch bảo đảm trong phạm vi cả nước;
6. Giải quyết khiếu nại, tố cáo về đăng ký giao dịch bảo đảm theo thẩm quyền;
7. Hợp tác quốc tế về đăng ký giao dịch bảo đảm.

Điều 6. Nhiệm vụ, quyền hạn của Bộ Giao thông vận tải, Cục Hàng không dân dụng Việt Nam trong việc quản lý nhà nước về đăng ký giao dịch bảo đảm

Bộ Giao thông vận tải, Cục Hàng không dân dụng Việt Nam thực hiện quản lý nhà nước về đăng ký giao dịch bảo đảm đối với tàu biển, tàu bay, có nhiệm vụ, quyền hạn sau đây :

1. Soạn thảo, trình cơ quan có thẩm quyền ban hành hoặc ban hành theo thẩm quyền các văn bản quy phạm pháp luật về giao dịch bảo đảm đối với tàu biển, tàu bay;
2. Phối hợp với Bộ Tư pháp trong việc chỉ đạo, hướng dẫn, kiểm tra, tổ chức thực hiện việc đăng ký giao dịch bảo đảm đối với tàu biển, tàu bay theo quy định của pháp luật;
3. Tổ chức bồi dưỡng nghiệp vụ, chuyên môn cho cán bộ làm công tác đăng ký giao dịch bảo đảm đối với tàu biển, tàu bay;
4. Báo cáo định kỳ sáu tháng và báo cáo hàng năm cho Bộ Tư pháp về việc đăng ký giao dịch bảo đảm đối với tàu biển, tàu bay;

5. Giải quyết khiếu nại, tố cáo về đăng ký giao dịch bảo đảm theo thẩm quyền.

Điều 7. Nhiệm vụ, quyền hạn của Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương trong việc quản lý nhà nước về đăng ký giao dịch bảo đảm

Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương thực hiện quản lý nhà nước về đăng ký giao dịch bảo đảm đối với quyền sử dụng đất, bất động sản gắn liền với đất tại địa phương mình, có nhiệm vụ, quyền hạn sau đây :

1. Chỉ đạo, kiểm tra, tổ chức thực hiện việc đăng ký và quản lý đăng ký giao dịch bảo đảm đối với bất động sản và quyền sử dụng đất theo quy định của Nghị định này và các văn bản quy phạm pháp luật khác có liên quan;
2. Xây dựng hệ thống đăng ký giao dịch bảo đảm đối với bất động sản và quyền sử dụng đất tại địa phương mình;
3. Tổ chức bồi dưỡng nghiệp vụ, chuyên môn cho cán bộ làm công tác đăng ký giao dịch bảo đảm đối với bất động sản và quyền sử dụng đất;
4. Báo cáo định kỳ sáu tháng và báo cáo hàng năm cho Bộ Tư pháp về việc đăng ký giao dịch bảo đảm đối với bất động sản và quyền sử dụng đất;
5. Giải quyết khiếu nại, tố cáo về đăng ký giao dịch bảo đảm theo thẩm quyền.

Điều 8. Cơ quan đăng ký giao dịch bảo đảm

1. Các cơ quan đăng ký giao dịch bảo đảm bao gồm :

- a) Cơ quan đăng ký quốc gia giao dịch bảo đảm và chi nhánh;
- b) Cơ quan đăng ký tàu biển và thuyền viên khu vực;
- c) Cục Hàng không dân dụng Việt Nam;
- d) Sở Địa chính hoặc Sở Địa chính - Nhà đất;
- đ) Ủy ban nhân dân xã, phường, thị trấn.

2. Thẩm quyền đăng ký của các cơ quan đăng ký giao dịch bảo đảm được quy định như sau :

- a) Cơ quan đăng ký quốc gia giao dịch bảo đảm và chi nhánh thực hiện việc đăng ký giao dịch bảo đảm đối với các loại tài sản, trừ các trường hợp được đăng ký tại các cơ quan theo quy định tại các điểm b, c, d và đ khoản này;

- b) Cơ quan đăng ký tàu biển và thuyền viên khu vực, nơi đã đăng ký tàu biển thực hiện việc đăng ký giao dịch bảo đảm đối với tàu biển;
- c) Cục Hàng không dân dụng Việt Nam thực hiện việc đăng ký giao dịch bảo đảm đối với tàu bay;
- d) Sở Địa chính hoặc Sở Địa chính - Nhà đất, nơi có bất động sản thực hiện việc đăng ký giao dịch bảo đảm đối với quyền sử dụng đất, bất động sản gắn liền với đất trong trường hợp bên bảo đảm là tổ chức;
- đ) Ủy ban nhân dân xã, phường, thị trấn nơi có bất động sản đăng ký giao dịch bảo đảm đối với quyền sử dụng đất, bất động sản gắn liền với đất trong trường hợp bên bảo đảm là hộ gia đình, cá nhân.

Điều 9. Nhiệm vụ, quyền hạn của cơ quan đăng ký giao dịch bảo đảm

Cơ quan đăng ký giao dịch bảo đảm có nhiệm vụ, quyền hạn sau đây :

1. Đăng ký giao dịch bảo đảm; đăng ký thay đổi nội dung đã đăng ký; đăng ký gia hạn; xoá đăng ký;
2. Cấp giấy chứng nhận đăng ký giao dịch bảo đảm và bản sao giấy chứng nhận đăng ký giao dịch bảo đảm;
3. Đăng ký văn bản thông báo về việc xử lý tài sản bảo đảm;
4. Từ chối đăng ký hoặc từ chối cung cấp thông tin khi người yêu cầu đăng ký hoặc người yêu cầu cung cấp thông tin không khai đầy đủ theo mẫu đơn hoặc không nộp lệ phí theo quy định;
5. Cung cấp thông tin về giao dịch bảo đảm đã đăng ký;
6. Thu lệ phí đăng ký, lệ phí cung cấp thông tin về giao dịch bảo đảm;
7. Lưu trữ hồ sơ, tài liệu, bảo quản các thông tin đã được đăng ký.

Chương III

TRÌNH TỰ, THỦ TỤC ĐĂNG KÝ VÀ CUNG CẤP THÔNG TIN

VỀ GIAO DỊCH BẢO ĐẢM

Điều 10. Người yêu cầu đăng ký giao dịch bảo đảm, gửi đơn yêu cầu đăng ký giao dịch bảo đảm